

Số: 68/2024/QĐCNHGT-DS

TP. Trà Vinh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân T1** và người bị kiện bà **Hà Thu H**, ông **Nguyễn Văn N**.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán*” đề ngày 11 tháng 6 năm 2024 của **Doanh nghiệp tư nhân T1**.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

*Người khởi kiện:* **Doanh nghiệp tư nhân T1** do ông **Nguyễn Thanh T** là chủ doanh nghiệp, đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: **Khóm B, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

*Người bị kiện:*

1/ Bà **Hà Thu H**, sinh năm 1968.

2/ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: **Đường M, khóm F, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2024, cụ thể như sau:

Người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân T1** do ông **Nguyễn Thanh T** đại diện với người bị kiện ông **Nguyễn Văn N** và bà **Hà Thu H** cùng thỏa thuận thống nhất như sau:

Ông Nguyễn Văn N và bà Hà Thu H cùng thống nhất đồng ý có nghĩa vụ trả cho Doanh nghiệp tư nhân T1 số tiền mua hàng hóa là thức ăn chăn nuôi với số tiền là 200.000.000 đồng (*bằng chữ: hai trăm triệu đồng*). Doanh nghiệp tư nhân T1 tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thu Trang**